

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐHPTST-DS ngày 23/9/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 29/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Mỹ H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số NT, khu HH, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số NT, khu HH, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Bùi Mỹ H trình bày: Ngày 19/6/2015, chị Bùi Mỹ H cho bà Hoàng Thị L vay số tiền 70.000.000đồng. Hai bên có lập giấy biên nhận với nội dung: Bà L vay của chị H số tiền 70.000.000đồng. Khi nào cần, báo trước 01 tháng bà L sẽ hoàn trả. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng.

Ngày 19/6/2016, hai bên chốt nợ gốc và lãi. Theo đó, bà L nợ 70.000.000đồng tiền gốc và 14.800.000đồng tiền lãi. Thành tiền là 84.800.000đồng. Giấy chốt nợ có chữ ký của bà Hoàng Thị L và chồng là ông Nguyễn Văn M. Đến ngày 17/11/2017, hai bên lại chốt nợ gốc và lãi. Theo đó, nợ gốc là 70.000.000đồng, lãi của năm 2016 chưa trả là 14.000.000đồng và lãi của năm 2017 là 14.000.000đồng. Cộng bằng 98.000.000đồng. Ngày 17/11/2017, chỉ có bà L chốt nợ với chị H, ông M không có mặt. Vì bà L ông M không có tiền trả nên hai bên thỏa thuận miệng với nhau là số tiền lãi là 28.000.000đồng nhập vào tiền gốc. Đến nay, chị H yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà L phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 98.000.000đồng.

Về tiền lãi: Ban đầu, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng, không ghi vào giấy nhận nợ. Sau đó, do ông M bà L có khó khăn nên hai bên tính tiền lãi từ ngày 19/6/2015 đến 19/6/2016 là 14.000.000đồng; từ ngày 20/6/2016 đến ngày 17/11/2017 là 17 tháng, tiền lãi là 14.000.000đồng. Do ông M bà L không có tiền trả cho chị cả gốc và lãi nên chị H đề nghị ông M bà L phải trả chị tiền lãi trên số tiền 98.000.000đồng với lãi suất 1,2%/tháng kể từ ngày 17/11/2017 cho đến khi tất toán khoản nợ.

Tại đơn trình bày đề ngày 26/9/2022, chị H trình bày: Chị cho bà L ông M vay tiền nhiều lần trong khoảng từ năm 2010 đến năm 2013. Khi cho vay tiền, bà L ông M đều tự viết nhận nợ và tự ký trước mặt chị. Khi thanh toán, chị gạch sổ đi hoặc là bà L tự viết vào sổ của chị là đã thanh toán đủ cho chị.

Chị H có một quyển sổ tay nhỏ, bên ngoài bìa màu xanh nhạt, bên trong giấy có màu hồng. Chị cho ai vay tiền thì đều cho họ viết nhận nợ vào quyển sổ này. Ngày 19/6/2015, chị cho bà L vay số tiền 70.000.000đồng. Khi chị giao tiền cho bà L xong, bà L tự viết nội dung nhận nợ vào quyển sổ tay của chị và bà L ký tên ở dưới. Đến ngày 19/6/2016, chị và bà L ông M chốt nợ với nhau. Chị tính lãi từ ngày vay đến ngày 19/6/2016 (một năm) là 14.000.000đồng, bà L tự viết nội dung chốt nợ cũ 70.000.000đồng, tiền lãi 14.800.000đồng, thành tiền là tám mươi tư triệu tám trăm chẵn và ký tên ở dưới. Số tiền 800.000đồng không phải là tiền lãi mà là tiền chị mua sữa hộ bà L và bà L viết cả vào để nhớ trả chị. Ngày chốt nợ đó có cả ông M có mặt và ký cùng bà L. Bà L ông M chưa trả chị đồng nào trong số tiền đã chốt nợ là 84.000.000đồng. Ngày 17/11/2017, hai bên lại chốt nợ với nhau lần nữa. Vì số tiền gốc và lãi cũ là 84.000.000đồng chưa trả nên bà L cộng lại sang trang sổ mới là

70.000.000đồng tiền gốc
14.000.000 lãi
84.000.000đồng
14.000.000đồng lãi
98.000.000đồng

Tại buổi hôm đó, bà L trả chị số tiền 800.000đồng tiền sữa nên bà L tự sửa lại số tiền 14.800.000đồng thành số tiền 14.000.000đồng. Sau đó bà L ký tên L – Hoàng Thị L ở dưới.

Các chữ viết và chữ số trên giấy nhận nợ và giấy chốt nợ đều là do bà L viết và ký, ông M ký cùng bà L trước mặt chị H.

Từ khi chốt nợ ngày 17/11/2017 đến nay, bà L ông M không trả cho chị một đồng gốc và lãi nào. Chị đến đòi thì ông M bà L khất nên chị lại thôi. Khi đòi nợ, chị chỉ nói miệng, không có văn bản thông báo đòi nợ. Sau đó, chị cho ông M bà L thời gian để thu xếp trả nợ nhưng họ không có ý kiến gì. Vì vậy, chị mới làm đơn khởi kiện ra Tòa án.

Chị có tiết kiệm được một số tiền và cho những người thân quen vay. Người vay tiền đều viết nhận nợ vào sổ của chị. Khi họ thanh toán, chị gạch sổ trước mặt họ. Có người đề nghị xé trang sổ ra để mang về. Có người yêu cầu chị viết trước mặt họ là đã thanh toán xong. Cũng có người tự viết vào sổ của chị là họ đã trả tiền cho chị.

Chị H khẳng định chỉ cho ông M bà L vay số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng, số tiền lãi đã chốt hai lần là 28.000.000đồng. Ngoài ra chị không cho bà L ông M vay khoản tiền nào khác, không chốt nợ với bà L số tiền nợ gốc và lãi nào là 74.000.000đồng như bà L trình bày. Cũng không có số tiền lãi nào khác ngoài số tiền lãi hai bên đã chốt hai lần với nhau như đã trình bày ở trên. Chị đề nghị Tòa án buộc bà L ông M trả cho chị số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng, tiền lãi hai bên đã chốt là 28.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử sở thẩm với lãi suất là 10%/năm. Nếu ông M bà L không trả số tiền nợ gốc và lãi ngay thì còn phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi tất toán khoản vay theo quy M của pháp luật.

Quá trình giải quyết: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng trực tiếp và qua đường bưu điện cho ông M và bà L nhiều lần, yêu cầu ông M bà L đến Tòa án làm việc nhưng ông M bà L không ký biên bản giao nhận. Ông M và bà L có mặt tại Tòa án 02 lần vào ngày 14/7/2022 và ngày 02/8/2022 lần nhưng không hợp tác, không viết bản tự khai, có trình bày lời khai theo câu hỏi của Thẩm phán với nội dung sau: Ông M để bà L trình bày. Bà L trình bày: Bà L có vay tiền của chị H nhiều lần, khi thì 5 triệu, khi thì 10 triệu và đã thanh toán hết. Bà L có vay chị H làm nhiều lần cộng dồn là 74.000.000đồng nhưng đã trả làm nhiều lần và trả hết vào năm 2020. Đến nay, bà không còn nợ tiền chị H. Nay chị H khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 98.000.000đồng là không đúng, bà không chấp nhận vì giấy nhận nợ đó do chị H mạo ra. Tòa án cho ông bà xem giấy nhận nợ có trong hồ sơ vụ án và hỏi có đúng chữ viết chữ ký của bà không. Bà L trả lời không biết có phải chữ ký chữ viết của ông bà hay không. Giấy nhận nợ đó không có ngày vay, không có ngày trả, chỉ có mảnh giấy từ trong sổ

bé tí thế, bà không chấp nhận. Ông bà không yêu cầu giám M chữ ký trong giấy nhận nợ đó. Bà yêu cầu phô to giấy nhận nợ có tổng số nợ là 172 triệu đồng để làm đơn gửi sang G quan Công an để xử lý chị H theo pháp luật.

Sau đó, bà L ông M bỏ dở buổi làm việc đi về và không ký biên bản lấy lời khai.

Ngày 08/7/2022, ông M bà L có Văn bản đưa ra ý kiến, có nội dung: Năm 2016, do quen biết nhau vì ở cùng khu phố, biết chị H chuyên cho vay lãi. Ông M và bà L có vay tiền của chị H, khi thì 5.000.000đồng, lúc thì 10.000.000đồng. Đến ngày hẹn là trả cả gốc và lãi rồi mới được vay tiếp. Ông bà vay tiền của chị H thường xuyên. Khi vay tiền, chị H cho viết biên nhận nợ vào 01 quyển sổ tay cùng với những người vay tiền khác. Ông bà đã chốt nợ và cộng gộp cả gốc và lãi, đã ký, viết rõ là cộng gốc lãi là 74.000.000đồng để không vay nữa và trả dần cuốn chiếu đến hết. Khi trả hết, chị H gạch sổ nợ. Năm 2021, chị H đòi số tiền 98.000.000đồng. Ông bà nói là đã trả rồi, sao còn đòi nữa. Ông bà cho rằng chị H giả mạo giấy nhận nợ để khởi kiện.

Đơn phản hồi đề ngày 30/8/2022, bà L trình bày: Khi bà chốt tổng gốc và lãi, có ghi trong quyển sổ tay màu xanh. Vay 24 triệu tiền gốc, lãi cộng gộp là 74 triệu. Tay bà ký chốt gộp cả gốc và lãi là tổng 74.000.000đồng ngày 19/6/2016, ký tên L-Hoàng Thị L. Chị H là người giữ quyển sổ gốc. Ông bà đã trả dần đến hết, chị H nói gạch sổ là xong. Vì ghi tên chung cùng với nhiều người khác nên không xé tờ giấy bà ghi chốt 74 triệu được. Bà Nguyễn Thị G là người đến nhà chị H để hỏi về việc vợ chồng bà có vay tiền của chị H không và nếu đúng là giấy vay nợ thì sẽ trả hộ bà số tiền đó. Chị H đưa cho bà G xem quyển sổ tay màu xanh cũng có chữ ký chốt nợ gốc và lãi cộng gộp là 74.000.000đồng. Ký tên L - Hoàng Thị L đúng là chữ ký của bà. Bà G có hỏi tại sao lại có ba chỗ, ai cộng lãi xuống đuôi sổ 18.400.000đồng. Chị H nói chị H tự cộng. Bà G nói chị H tự chốt lãi sau chữ ký của bà L thì bà G không đồng ý. Chị H tự viết lãi suất là 1,5%/tháng, như thế là không đúng mà chị H cho vay lãi cao. Bà L không chấp nhận yêu cầu của chị H.

Tòa án đã gửi cho bà L ông M 05 thông báo nêu nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H, bản phô to giấy nhận nợ do chị H giao nộp, Quyết M yêu cầu bà L ông M cung cấp chứng cứ về việc đã trả nợ cho chị H nhưng bà L ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã có văn bản giải thích quyền và nghĩa vụ của ông M bà L theo quy M của pháp luật về việc cung cấp chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 9; Điều 91; Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông M bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì, không có yêu cầu giám M chữ ký chữ viết mà ông bà cho rằng chị H đã giả mạo. Đồng thời cũng không có văn

bản phản đối về số nợ gốc 70.000.000đồng cùng số tiền nợ lãi mà hai bên đã chốt là 28.000.000đồng.

Tại phiên tòa: Chị H khẳng định cho bà L ông M vay số tiền 70.000.000đồng tiền gốc vào ngày 19/6/2015 là đúng sự thật. Bà L ông M có viết giấy nhận nợ. Trong giấy nhận nợ không ghi rõ về lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên hai bên mới có hai lần chốt lãi mỗi lần là 14.000.000đồng vào các ngày 19/6/2016 và 19/11/2017 mà chị đã xuất trình giấy do chính bà L viết, bà L ông M ký trước mặt chị. Chị không đề nghị Tòa án giám M chữ viết và chữ ký của bà L ông M trên giấy nhận nợ. Trong giấy nhận nợ có thỏa thuận về thời hạn báo trước là 1 tháng. Chị H xác định ngày chị có đơn khởi kiện là ngày chị có thông báo cho ông M bà L phải trả nợ như đã thỏa thuận. Ông M bà L chưa trả cho chị tiền lãi và tiền gốc kể từ ngày vay 19/6/2015 đến nay. Do ông M bà L có khó khăn nên chị đề nghị Tòa án buộc ông M bà L phải trả cho chị tiền nợ gốc là 70.000.000đồng và tiền lãi là 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Nếu ông M bà L không trả ngay tiền cho chị sau khi Tòa xét xử thì còn phải trả chị tiền lãi trên nợ gốc theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ. Người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách đã có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nhưng Tòa án không thu thập được nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Đòi tài sản”. Bị đơn đang thường xuyên sinh sống tại thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

[2] Về số tiền nợ gốc:

Chị H cho bà L vay số tiền 70.000.000đồng vào ngày 19/6/2015. Bà L viết giấy biên nhận với nội dung: *Tôi là Hoàng Thị L số nhà 233 khu HH, Nam Sách có vay tiền của cô Bùi Mỹ H số tiền là bảy mươi triệu chẵn. Khi nào cần báo trước 01 tháng, tôi sẽ hoàn trả.* “L – Hoàng Thị L”. Ngày 19/6/2016, hai bên chốt nợ với nhau, có mặt ông M bà L. Theo đó, hai bên thống nhất nợ cũ là

70.000.000đồng, tiền lãi là 14.800.000đồng, thành tiền là tám mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng. Bà L viết nội dung chốt nợ và cùng ông M ký nhận. Trong số tiền 84.800.000đồng có 14.000.000đồng tiền lãi, còn 800.000đồng là tiền chị H mua sữa hộ bà L. Ngày 19/11/2017, hai bên tiếp tục chốt nợ với nhau. Theo đó tiền chốt nợ của năm trước là 84.000.000đồng, tiền lãi phát sinh là 14.000.000đồng. Cộng bằng 98.000.000đồng.

Bà L, ông M không thừa nhận khoản vay trên nhưng trong văn bản đưa ra ý kiến đề ngày 08/7/2022 do ông M bà L ký và gửi đến Tòa án, bà L ông M thừa nhận có vay tiền của chị H nhiều lần. Khi vay tiền, có viết nhận nợ chung vào một quyển sổ nhỏ. Bà L chốt nợ để cộng gộp cả gốc và lãi, bà đã ký, viết rõ cộng gốc lãi là 74.000.000đồng. Chị H xuống nhà bà, lên gác nói chồng bà ký vào quyển sổ con tên M - Nguyễn Văn M là chữ ký của chồng bà và chị H xuống tầng 1 đưa tiền cho bà. Trong đơn đề nghị đề ngày 16/9/2022, bà L trình bày: Sau khi bà không vay tiền của chị H nữa, bà và chị H cùng chốt nợ vào ngày 19/6/2016, gốc và lãi là 74 triệu do tay bà tự viết và ký tên L - Hoàng Thị L. Ngoài ra không có khoản nào bà và chồng bà vay và ký nợ.

Mặt khác, trong cuốn sổ gốc mà chị H cho những người vay tiền viết nội dung nhận nợ, không có nội dung nào thể hiện có khoản vay nợ của bà L ông M ghi số tiền nhận nợ là 74.000.000đồng như bà L trình bày.

Như vậy, nội dung bà L, ông M trình bày trong đơn có một phần phù hợp với giấy nhận nợ do chị H xuất trình thể hiện ngày 19/6/2016 giữa chị H và bà L, ông M có chốt nợ gốc và lãi với nhau nhưng ai bên không thống nhất về số tiền gốc và lãi đã chốt.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông M bà L nhiều lần nhưng ông M bà L không đến Tòa án làm việc hoặc làm việc dờ chùng thì bỏ về, không ký biên bản lấy lời khai. Đồng thời, bà L ông M đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện do Tòa án gửi, Quyết M yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về nội dung khởi kiện của nguyên đơn cũng như giải thích về quyền cung cấp chứng cứ, yêu cầu giám M chữ viết chữ ký nhưng bà L ông M không cung được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho nội dung không vay số tiền 70.000.000đồng của chị H hoặc đã trả chị H số tiền gốc 70.000.000đồng cùng tiền lãi phát sinh như hai bên đã chốt với nhau; Không đến Tòa án làm thủ tục giám M chữ viết, chữ ký của ông bà theo giấy triệu tập.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có G sở xác M việc ông M bà L vay số tiền 70.000.000đồng của chị H vào ngày 19/6/2015 là có thật và bà L ông M chưa thanh toán trả cho chị H. Chị H yêu cầu ông M bà L phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về tiền nợ gốc. Buộc bà L ông M phải trả cho chị H số tiền nợ gốc chưa trả là 70.000.000đồng.

[3] Về số tiền lãi: Căn cứ vào trình bày của hai bên, căn cứ vào giấy nhận nợ, giấy chốt nợ do chị H xuất trình. Hội đồng xét xử thấy: Khoản tiền vay giữa bà L, ông M với chị H là khoản vay không có kỳ hạn và có lãi. Thời hạn báo trước ghi trong giấy biên nhận mà hai bên thỏa thuận là 01 tháng. Chị H thừa nhận khi chị đòi nợ bà L ông M, chị không yêu cầu thực hiện việc trả nợ trong thời hạn báo trước như đã thỏa thuận. Khi bà L ông M khát nợ thì chị H lại tiếp tục cho thêm thời gian. Đến nay, chị H xác M thời gian chị báo trước về việc yêu cầu ông M bà L trả tiền cho chị là ngày chị có đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 31/3/2022. Tuy nhiên, chị H tự nguyện yêu cầu ông M bà L trả tiền lãi cho chị với lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 19/6/2015 trên số nợ gốc là 70.000.000đồng đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2022. Yêu cầu của chị H về tiền lãi là có căn cứ.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của chị H. Buộc bà L ông M phải trả tiền lãi cho chị H kể từ ngày 19/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2022 (07 năm 03 tháng 10 ngày bằng 2.655 ngày) với lãi suất là 10%/năm bằng:

$$[(70.000.000\text{đồng} \times 10\%) : 365] \times 2.655\text{ngày} = 50.917.000\text{đồng (làm tròn)}$$

[3] Ngày 22/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương có yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ số 19/YC-VKS-DS: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nam Sách ghi lời khai của ông M bà L xác M chữ ký trong hai giấy nhận nợ mà chị H cung cấp cho Tòa án có phải chữ ký của ông M và bà L không? Nếu ông M bà L xác M không phải chữ ký của họ thì cần trưng cầu giám M chữ viết, chữ ký của ông M bà L tại 02 giấy nhận nợ trên.

Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải giám M chữ ký, chữ viết của ông M bà L theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách. Bởi lẽ: Chị H không đề nghị Tòa án giám M chữ ký, chữ viết của bà L ông M trên giấy nhận nợ. Trong khi đó, bà L, ông M có nghĩa vụ chứng minh theo các quy M của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã có nhiều thông báo về việc nếu ông M bà L phản đối khoản vay nợ và phủ nhận chữ viết chữ ký của họ trên giấy nhận nợ do chị H cung cấp thì ông bà có quyền yêu cầu giám M chữ ký chữ viết của của ông bà. Tòa án đã triệu tập ông M bà L đến Tòa án làm thủ tục giám M nếu ông bà có yêu cầu nhưng ông M bà L không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT M:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy M của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Mỹ H. Buộc bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn M phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 50.917.000đồng (năm mươi triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng)(làm tròn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L ông M không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bà L ông M còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy M tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Chị Bùi Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003684 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án được thi hành theo qui M tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui M tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui M tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- CCTHADS huyện Nam Sách;
- Đ- ơng sự;

- L- u hồ sơ.

Phạm Thúy Hằng